

## SỰ CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI GIA-RAI TẠI XÃ IA GLAI, HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI TỪ ĐỔI MỚI (1986) ĐẾN NAY<sup>1</sup>

**ThS. Nông Bằng Nguyên**  
**Viện Dân tộc học**

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng và những nguyên nhân chủ yếu tác động đến sự chuyển đổi sinh kế của các hộ gia đình người Gia-rai ở một xã của tỉnh Gia Lai qua 30 năm thực hiện Đổi mới (1986 - 2016). Việc mở mang sinh kế trong bối cảnh kinh tế thị trường ở xã Ia Glai là hệ quả của quá trình vận động các cộng đồng cư dân tại chỗ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay đổi tập quán canh tác truyền thống và tác động của cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số. Kết luận bài viết tác giả cũng nêu lên những thách thức đối với sự phát triển bền vững sinh kế của người Gia-rai ở điểm nghiên cứu trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

**Từ khóa:** Người Gia-rai, chuyển đổi sinh kế, Đổi mới.

### Mở đầu

Gia-rai là tộc người tại chỗ thuộc nhóm ngôn ngữ Mã lai - Đa đảo, sinh sống tập trung ở Tây Nguyên nước ta. Theo Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam: Kết quả toàn bộ, năm 2009, dân tộc Gia-rai có 411.275 người. Ngoài 956 người ở tỉnh Bình Thuận, còn lại người Gia-rai cư trú chủ yếu ở 3 tỉnh Tây Nguyên là Gia Lai (372.302 người, chiếm 90,52%), Kon Tum (20.606 người), Đắk Lắk (16.129 người).

Những nghiên cứu dân tộc học về người Gia-rai trước năm 1975, có thể kể đến

những khảo cứu thiên về miêu thuật như *Rừng người Thượng - Vùng rừng núi Cao nguyên miền Trung Việt Nam* của Henri Maitre (1912); *Các sắc tộc thiểu số ở Việt Nam* của Nguyễn Trắc Dĩ (1970); Cừ Long Giang và Toan Ánh (1974) với *Cao nguyên miền thượng*; Gerald Canon Hickey với 2 tác phẩm thường được nhắc đến là: *Lịch sử dân tộc học Cao nguyên miền Trung Việt Nam (1982)* và *Thế giới tan vỡ: Sự thích ứng và tồn tại của cư dân Cao nguyên Việt Nam trong chiến tranh Việt Nam (1983)*; hay một số công trình của Jacques Dournes về: *Potao, một lý thuyết về quyền lực ở người Gia-rai Đông Dương (1997)*, *Miền đất huyền ảo và Rừng, đàn bà, và điên loạn (2003)*,... Có thể nói, đây là những miêu thuật dân tộc học phản ánh một góc lịch sử tộc người qua truyền thuyết dân gian, lễ nghi, sinh hoạt văn hóa, tổ chức

<sup>1</sup> Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở năm 2016: “*Sự chuyển đổi sinh kế của người Gia-rai từ 1986 - 2016 qua nghiên cứu trường hợp tại xã Ia Glai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai*” do ThS. Nông Bằng Nguyên và ThS. Lê Trần Quyên làm đồng chủ nhiệm.

xã hội truyền thống về dân tộc Gia-rai trước năm 1975 rất đáng được tham khảo. Đặc biệt là các tác phẩm của Henri Maitre và Jacques Dournes<sup>2</sup>.

### 1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Ia Glai là một trong 14 xã thuộc huyện Chư Sê, cách trung tâm thành phố Pleiku 35 km. Địa hình xã Ia Glai trải dài theo Quốc lộ 14, ở về phía Nam tỉnh Gia Lai. Diện tích tự nhiên của xã là 3.191,60ha, trong đó 91% là đất nông nghiệp.

Ia Glai có 10 thôn làng, trong đó gồm 5 làng người Gia-rai và 5 thôn người Kinh. Do tỷ lệ dân số tăng cơ học nhanh, năm 2006 theo Quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, thôn Điểm 3 được tách thành hai thôn và đổi tên là Nhơn Phú và Hương Phú, cư dân gồm toàn bộ là số người Kinh di dân tự do đến xã.

Trước năm 1986, dân số của xã Ia Glai xấp xỉ 2.000 người. Số lượng người Kinh và một vài dân tộc khác di cư đến chưa được cập nhật trong báo cáo di biến động dân cư và dân số hàng năm của xã. Từ năm 1996, khi xã Ia Glai cập nhật số liệu, tổng dân số của xã tăng lên gần gấp đôi, xấp xỉ 4.000 người (Chi cục thống kê Chư Sê, 1982 - 2015). Gần 30 năm sau (1986 - 2015), dân số của xã Ia Glai đã tăng thêm 3.873 người (từ 2.000 lên 5.873 người), trong đó, người Kinh chiếm 56,47%, người Gia-rai chiếm 43,21% tổng dân số của xã, còn lại là các tộc người khác.

<sup>2</sup> Nguyên bản của các tác phẩm này là: “Potao, une théorie du pouvoir chez les Indochinois Jorai” (1997), Paris (Dẫn theo Andrew Hardy (2013), *Nhà Nhân học chân trần: Nghe và đọc Jacques Dournes*), và “*Les Jungles Moi*” (Rừng người Mọi), được Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam dịch, Nxb. Tri thức ấn hành năm 2008).

Năm 1985, theo chính sách của Nhà nước về thành lập nông - lâm trường và đưa đồng bào dân tộc tại chỗ vào làm công nhân “giúp đồng bào làm quen với kỹ thuật, tạo thêm nguồn thu nhập, từng bước tạo điều kiện cho người lao động vào biên chế nhà nước (Nguyễn Xuân Mãn, 1986; Bùi Minh Đạo, 1989). Theo đó, một số lượng lớn diện tích đất rừng của xã Ia Glai, trong đó có cả đất nương rẫy mà đồng bào canh tác theo kiểu luân canh nhiều năm cũng được chuyển giao cho Công ty cao su Chư Sê. Đổi lại, Công ty cao su Chư Sê xây dựng nhà ở cho người dân Gia-rai trong cộng đồng. Tuy nhiên, năm 2016, thực tế cho thấy những ngôi nhà xây đã bị bỏ hoang (một số còn sử dụng được làm nhà kho), và đa số công nhân nông - lâm trường trước đây đã trở về làng tự mình phát triển kinh tế hộ gia đình.

### 2. Sinh kế truyền thống

#### 2.1. Trồng trọt

Theo kết quả nghiên cứu của các nhà dân tộc học đi trước, người Gia-rai chủ yếu canh tác nương rẫy theo hình thức phát, đốt, trọc tria trên các khoảnh đất rừng (Đặng Nghiêm Vạn, 1981). Mỗi năm, người Gia-rai chỉ làm một vụ lúa và hoàn toàn dựa vào thiên nhiên (Bùi Minh Đạo, 2010). Trên nương rẫy, loại cây trồng chủ yếu là lúa nếp, lúa tẻ, bo bo, kê, ngô, khoai lang, bầu, bí,... Ngoài trồng trọt trên nương rẫy, người Gia-rai còn làm ruộng nước, được hình thành từ việc khai phá các đầm lầy, quanh năm có nước hay là những mảnh rẫy lâu năm trên vùng đất trũng. Đất ruộng được xới bằng cuốc, hoặc dùng trâu, bò để cày đất (Viện Dân tộc học, 2015, tr. 458). Ruộng nước đã được dân tộc Gia-rai canh tác từ trước năm 1986. Trong việc trồng lúa nước,

dân tộc Gia-rai đã biết sử dụng các loại công cụ như cày, bừa, cuốc, xẻng, liềm gặt... phục vụ cho việc trồng lúa nước (Lê Văn Liêm, 2012, tr. 66).

Trong khuôn viên vườn nhà, người Gia-rai còn trồng nhiều loại cây khác nhau để cung cấp thêm rau, củ, quả, trái cây cho bữa ăn và tiêu dùng hàng ngày của gia đình. Vườn nhà cũng được rào ngăn thành khu nhốt trâu, bò, chăn thả lợn và các loại gia cầm,...

## **2.2. Chăn nuôi**

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm như trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt... cũng là hoạt động sinh kế quan trọng của người Gia-rai. Chăn nuôi truyền thống đều theo cách thức chăn thả rông. Sản phẩm chăn nuôi của các gia đình chỉ phục vụ nhu cầu thực phẩm hàng ngày, khi có khách đến thăm hoặc phục vụ cho các lễ nghi của gia đình và cộng đồng. Chúng ta ít thấy những sản phẩm chăn nuôi của các gia đình được trao đổi ra bên ngoài. Trong xã hội truyền thống, trâu là vật nuôi rất quan trọng và được dùng để làm vật trao đổi, mua bán những vật dụng quý giá như chiêng, ché (Viện Dân tộc học, 2015, tr. 459).

## **2.3. Khai thác các nguồn lợi tự nhiên**

Các hoạt động khai thác nguồn lợi từ tự nhiên bao gồm săn bắn, đánh bắt cá, lấy mật ong và hái lượm,... Hoạt động kinh tế này đóng vai trò bổ sung nguồn thực phẩm cho gia đình và phục vụ cho các nghi lễ liên quan đến đời sống sinh hoạt tín ngưỡng và tôn giáo. Người Gia-rai có các hoạt động săn bắt tập thể và riêng lẻ. Vũ khí được dùng trong săn bắt chim thú là các loại nỏ, ná, giáo, dao hoặc các hầm chông. Người Gia-rai còn sử dụng chó để hỗ trợ trong việc săn

bắn những loại thú rừng. Theo các nghiên cứu trước đây, Gia-rai là tộc người nổi tiếng với việc săn bò tót (Phạm Lan Hương, 2000, tr. 12).

Trong xã hội truyền thống, hoạt động khai thác nguồn lợi tự nhiên của người Gia-rai có sự phân chia lao động theo giới và nhóm tuổi. Trong đó, săn bắn là công việc độc quyền của đàn ông, còn hái lượm thường là việc của phụ nữ và trẻ em (Lê Văn Liêm, 2012, tr. 22).

## **3. Sinh kế từ năm 1986 đến nay**

### **3.1. Trồng lúa nước**

Hầu hết các hộ gia đình tại 5 làng người Gia-rai ở điểm nghiên cứu hiện nay đều trồng lúa nước. Lúa giống mới trồng 2 vụ: Đông Xuân và Mùa chính vụ trong năm. Lúa nước của các hộ gia đình được trồng tại những thửa ruộng nhỏ nằm ở các thung lũng, ven suối hay dọc theo hệ thống thủy nông do Chương trình 135 đầu tư. Tại làng Pang, trung bình 1 nhân khẩu hiện nay có khoảng hơn 200m<sup>2</sup> đất lúa. Ở những thửa ruộng tuy không lớn, nhưng người dân vẫn có thể sử dụng các loại máy cày nhỏ để làm đất. Theo báo cáo của UBND xã Ia Glai, từ năm 2010, các hộ gia đình được cơ quan khuyến nông huyện phổ biến sử dụng giống lúa IER 64 trong canh tác, nhưng vẫn chưa được tin dùng rộng rãi, mà họ vẫn cấy giống Khang Dân. Khi chuyển sang trồng giống mới người Gia-rai đã biết sử dụng các loại phân bón vô cơ (đạm, lân, kali...) và thuốc trừ sâu để chăm sóc lúa. Kiến thức này do hộ gia đình tự tìm hiểu hoặc được cán bộ khuyến nông xã, huyện hướng dẫn. Tuy nhiên, đến nay, sản lượng thóc thu hoạch được vẫn chỉ dành cho nhu cầu lương thực của gia đình và phục vụ chăn nuôi chứ không bán ra thị trường.

### 3.2. Phát triển cây hồ tiêu và cà phê

Hồ tiêu là loại cây trồng phát triển đại trà ở huyện Chư Sê từ năm 1990. Năm 1986, toàn huyện có 5,9ha, nhưng đến năm 2015, riêng tại xã Ia Glai, diện tích hồ tiêu đã lên tới 426,6ha (Chi cục thống kê Chư Sê, 1982 - 2015). Số lượng trang trại trồng hồ tiêu, cà phê của người Gia-rai từ 5 ha trở lên ở xã không nhiều, đa số là của các hộ gia đình người Kinh. Các hộ gia đình Gia-rai trồng hồ tiêu và cà phê ở vườn nhà là chính. Theo người dân, việc trồng ở vườn nhà vừa giúp các hộ có điều kiện bảo vệ và chăm sóc thuận tiện hơn, đồng thời giảm thời gian đi lại, nhất là khi vào mùa vụ thu hoạch. Vườn hồ tiêu của các hộ gia đình Gia-rai đa phần được trồng xen với cây bơ, măng cầu, mít,... Một số hộ gia đình có trồng chung cây hồ tiêu với cà phê, nhưng số lượng cây cà phê ít hơn tiêu.

Phát triển cây cà phê ở các làng Gia-rai và toàn xã Ia Glai trước năm 1986, là không đáng kể, chỉ có 7,5ha. Từ năm 1996, diện tích cây cà phê toàn huyện, trong đó có xã Ia Glai tăng dần qua các năm. Năm 2015, tổng diện tích trồng cây cà phê tại xã Ia Glai là 544,4ha, tăng gấp 70 lần so với diện tích cà phê của Chư Sê cách đây 30 năm (Chi cục Thống kê huyện Chư Sê, 1982 - 2015).

Việc trồng, chăm sóc cây hồ tiêu, cà phê phải được tập huấn nâng cao nhận thức về áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mới mang lại giá trị thương phẩm cao. Vì vậy, việc tìm hiểu chất lượng cây giống, kỹ thuật trồng, sử dụng các loại phân bón, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và bán ra thị trường là chuỗi hoạt động sản xuất đã đưa các hộ người Gia-rai vượt ra khỏi kỹ năng trồng trọt

quảng canh truyền thống. Điều này hoàn toàn chưa có tiền lệ đối với người Gia-rai cũng như cư dân tại chỗ ở Tây Nguyên. Các khâu quan trọng gắn sự phát triển cây hồ tiêu, cà phê với kinh tế thị trường đòi hỏi sự năng động của hộ gia đình về: vốn - kỹ thuật - chiến lược đầu tư và thị trường cũng bước đầu tạo cho người nông dân Gia-rai thích ứng với nền nông nghiệp thương phẩm của cơ chế thị trường trong nước và quốc tế.

### 3.4. Chăn nuôi và dịch vụ

Hiện nay, các hộ gia đình người Gia-rai đầu tư vào chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm (bò, dê, lợn, gà) vừa để cung cấp thêm nguồn thực phẩm cho gia đình, vừa để bán ra thị trường. Về cơ bản, tính chất của việc chăn nuôi đã hoàn toàn thay đổi so với trước đây ở các cộng đồng người Gia-rai, khi mà những lễ nghi dần ít đi, do đa số người dân theo đạo Tin Lành và việc đầu tư vào cây cà phê và hồ tiêu thương phẩm.

Do phát triển cây cà phê và hồ tiêu thương phẩm trong những năm qua đã và đang mang lại thu nhập chính cho hộ gia đình người Gia-rai. Những trang trại, hộ kinh doanh sản phẩm cà phê, hồ tiêu, hệ thống dịch vụ cung cấp vật tư sản xuất, dịch vụ ăn uống, dịch vụ văn hóa... đã xuất hiện không chỉ ở thị trấn Chư Sê mà còn đã hình thành mạng lưới lan tỏa đến các trung tâm 14 xã của huyện. Do nhu cầu phát triển sản xuất, mở rộng diện tích hồ tiêu và cà phê, các trang trại cần nhiều lao động vào mùa vụ chăm bón và thu hoạch cũng như tại các cửa hàng dịch vụ, nhà kho cho thuê cất trữ nông sản,... Vì vậy, thị trường lao động phổ thông đã hình thành, những nông dân gồm cả người dân tộc tại chỗ và người Kinh từ các

trình khác đến đều có được nguồn thu nhập từ làm công thuê tính theo ngày hoặc khoán gọn sản phẩm.

### **3.5. Thay đổi sinh kế gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng và kinh tế thị trường**

Từ năm 1986, kinh tế của xã Ia Glai đã bắt đầu có sự khởi sắc, trên cơ sở chuyển đổi sử dụng đất và cơ cấu cây trồng. Đây là bước chuyển biến hết sức có ý nghĩa đối với tập quán canh tác của người Gia-rai, bởi vì đối với họ, đất đai (rừng, nương rẫy) là nguồn lực chủ yếu gắn với duy trì sinh kế, phần lớn là đáp ứng nhu cầu lương thực cho gia đình. Khi thực hiện sự dịch chuyển, đa số diện tích đất rừng, nương rẫy của hộ và cộng đồng đang canh tác cây lương thực sang trồng cây cà phê, hồ tiêu là một sự thay đổi lớn về nhận thức và tư duy. Việc chuyển các hộ gia đình vào nông trường Chư Sê và tuyên truyền vận động người dân chuyển đổi từ cây lúa, mì, có giá trị thấp sang loại cây giá trị cao như tiêu, cà phê, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế đã góp phần nâng cao thu nhập cho hộ và phát triển kinh tế địa phương. Theo đánh giá của một số cán bộ có thâm niên công tác tại địa phương, đây thực sự như là một “cuộc cách mạng về tư tưởng” trong các làng người Gia-rai. Nhờ đó, năm 2015, diện tích đất dành cho cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu...) là hơn 1.000ha và diện tích lúa chỉ còn 120ha (Chi cục thống kê Chư Sê, 1982 - 2015). Hơn 30 năm (1986 - 2017), bước chuyển đổi trong quản lý và sử dụng đất đai tại xã Ia Glai đã làm tăng giá trị nguồn tài nguyên rất quan trọng tại vùng này.

Chuyển dịch cơ cấu đất đai gắn với sự phát triển kinh tế thị trường ở xã Ia Glai trong 10 năm trở lại đây đã tạo ra những thay đổi căn bản về hoạt động sinh kế của người Gia-rai. Từ góc nhìn lao động và việc

làm, so với sinh kế truyền thống, kinh tế thị trường đã mang lại những công việc và nguồn thu nhập cho người Gia-rai đa dạng và cao hơn về giá trị. Hiện nay, trong các hộ gia đình Gia-rai tuy không giống nhau về nguồn thu, nhưng nhìn tổng thể toàn cộng đồng gồm có các nguồn thu nhập như sau: lương (công nhân nông trường Chư Sê), tiền bán sản phẩm cà phê, hồ tiêu, hoạt động kinh doanh, dịch vụ và công làm thuê,... So với nguồn thu từ hoạt động sinh kế trước năm 1986, thực sự đã có sự thay đổi lớn ở các gia đình và cộng đồng làng Gia-rai. Tuy nhiên, sự chuyển đổi sinh kế trong 30 năm qua cũng làm nảy sinh tình trạng phân hóa giàu nghèo trong các ngôi làng người Gia-rai. Theo Báo cáo Kinh tế - xã hội năm 2015 của HĐND và UBND xã Ia Glai, toàn xã còn 129 hộ nghèo và 85 hộ cận nghèo trong đó, 87% số hộ nghèo là người Gia-rai.

### **3.6. Những nguyên nhân tác động đến chuyển đổi sinh kế**

Huyện Chư Sê là địa bàn gồm các luồng di dân có kế hoạch và di dân tự do đến chủ yếu từ các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó hầu hết là người Kinh. Đến với Chư Sê, các dân tộc cũng nhằm tạo lập sinh kế mới từ khai thác tài nguyên đất đai rộng lớn ở vùng Cao nguyên. Phải nói rằng, trong 30 năm qua, người Kinh ở Chư Sê có vai trò rất quan trọng góp phần vào phát triển kinh tế địa phương và chuyển đổi sinh kế của người Gia-rai. Người Kinh đến Ia Glai, bên cạnh khai thác đất đai để mưu sinh, đã cùng với lao động của người dân tại chỗ mở mang sinh kế, tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế kinh tế thị trường, cùng nhau xây dựng cuộc sống mới. Đầu rằng, trong quá trình cộng cư còn nảy sinh

những vấn đề do khác biệt về văn hóa, lối sống, song vai trò của người Kinh đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở địa phương là một thực tế, rất đáng ghi nhận. Vì vậy, ở một mức độ nào đó, cũng có thể chia sẻ với nhận xét của một nghiên cứu về Tây Nguyên cho rằng, bức tranh chuyển đổi sinh kế hiện tại ở các làng Gia-rai, xã Ia Glai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai là sự phản ánh “kết quả của các chính sách về di dân, tái định cư và kinh tế mới từ trước và sau năm 1986” (Anh Dang và cộng sự, 1997, tr. 319).

Thời gian qua, việc thực thi chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ở xã Ia Glai đã góp phần rất lớn thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở các cộng đồng tại chỗ Gia-rai của xã. Cơ chế quản lý đất đai thúc đẩy việc trồng cà phê, hồ tiêu và chuyển đổi giống lúa mới... thông qua sự hỗ trợ của các Chương trình, dự án như 327, 135 (giai đoạn I, II và III),... Tuy còn một số hoạt động chưa phù hợp như phân bổ đất đai, cung cấp cây, con giống... nhưng về cơ bản các chính sách đã có tác động tích cực đối với phát triển sinh kế của người Gia-rai.

Để phát triển kinh tế thị trường, tỉnh Gia Lai cũng đã ban hành những hướng dẫn cụ thể những chính sách của các bộ, ngành trung ương để phát triển thương hiệu hồ tiêu; khuyến nông, khuyến lâm, vận động người dân mở rộng diện tích cây công nghiệp; dự án đầu tư hỗ trợ vốn và vật tư nông nghiệp; chính sách tuyên truyền, tập huấn trồng cây công nghiệp; chương trình cải tạo vườn tạp, khuyến khích người dân chuyển sang trồng một số loại cây ăn trái có thu nhập cao; chính sách xây dựng nông thôn mới,... Đây là những đòn bẩy quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số

như Gia Lai, trong đó có cư dân tại chỗ Gia-rai và các dân tộc anh em khác.

### Kết luận

Khởi đầu từ bước đột phá chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trên cơ sở tuyên truyền, vận động các cộng đồng Gia-rai ở Ia Glai tham gia vào chuyển đổi sinh kế từ khai thác giá trị sử dụng đất là một thành công lớn không chỉ về kinh tế, mà cả về xã hội và văn hóa. Hơn thế nữa, việc khai thác tiềm năng đất và nguồn lực con người, kết hợp với áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất và cơ chế chính sách phù hợp đã thúc đẩy sự chuyển đổi sinh kế ở Ia Glai. Điều đó cho thấy đây là bước đi phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và thực sự có ý nghĩa, theo hướng tích cực đối với cộng đồng tại chỗ Gia-rai ở điểm nghiên cứu.

Mặc dù trải qua 30 năm phát triển và đã đạt những kết quả cơ bản về chuyển đổi sinh kế, song nếu so sánh với người Kinh cùng xã về chiến lược đầu tư trong sản xuất kinh doanh, mức độ tham gia vào thị trường trao đổi hàng hóa, mở rộng dịch vụ, tăng năng xuất và sản lượng cây trồng... thì các cộng đồng Gia-rai vẫn có độ chênh thấp về giá trị. Tình trạng mua bán, chuyển nhượng đất đai, số hộ nghèo vẫn chiếm tỷ lệ cao... là những thách thức mới đối với người Gia-rai ở Ia Glai trong ổn định và phát triển sinh kế bền vững.

Để phát triển sinh kế bền vững trong bối cảnh kinh tế thị trường, sự chuyển đổi sinh kế ở người Gia-rai hiện nay vẫn đang đối diện với những thách thức không nhỏ. Mặc dù chính sách có sự hỗ trợ về vốn, đất đai, kỹ thuật và bối cảnh hợp tác quốc tế đang tạo ra những điều kiện tích cực cho các hoạt động sinh kế mới, song thiên tai, biến đổi khí hậu, thiếu vốn, nhận thức về kinh tế

thị trường và chiến lược đầu tư của hộ đang là những tác nhân hạn chế sự phát triển sinh kế bền vững của các cộng đồng cư dân Gia-rai ở Ia Glai.

### Tài liệu tham khảo

1. Hardy, Andrew (2013), *Nhà Nhân học chân trần: Nghe và đọc Jacques Dournes*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

2. Anh Dang, Sidney Goldstein and James McNally (1997), “Internal Migration and Development in Vietnam”, *International Migration Review*, Vol. 31, No. 2, Pp. 312-337

3. Chambers, Robert and Gordon R. Conway (1991), “Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century”, *IDS Discussion Paper No. 296*, Institute of Development Studies, University of Sussex, Brighton.

4. Chi cục thống kê Chư Sê (1982-2015), *Niên giám thống kê từ năm 1982 - 2015*, Chư Sê, Gia Lai.

5. Ngô Văn Doanh (1995), *Lễ hội bỏ mả (PơThi) các dân tộc Bắc Tây Nguyên (dân tộc Giarai - Bana)*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

6. Ngô Văn Doanh (1993), *Nhà mồ và tượng mồ Giarai*, Bohnar, Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao tỉnh Gia Lai, Gia Lai.

7. Bùi Minh Đạo (2010), *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Bùi Minh Đạo (2011), *Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Lê Xuân Hoan (2007), *Một số nét đặc trưng cơ bản của âm nhạc dân gian Jrai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

10. Phạm Lan Hương (2000), *Trang phục cổ truyền của dân tộc Gia Rai*, Luận văn thạc sĩ, Đại học văn hóa Hà Nội.

11. Lê Văn Liêm (2012), *Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc Gia-rai trong môi trường văn hóa đương đại*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

12. Nông Bằng Nguyên và Lê Trần Quyên (Đồng chủ nhiệm, 2016), *Sự chuyển đổi sinh kế của người Gia-rai từ 1986 - 2016 qua nghiên cứu trường hợp tại xã Ia Glai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai*, Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

13. Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

14. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (1989), *Tây Nguyên trên đường phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (2016), *Biểu tổng hợp số hộ, số khẩu toàn tỉnh năm 2015*.

16. Ủy ban nhân dân xã Ia Glai (2015), *Tổng hợp kết quả điều tra xác định hộ nghèo/hộ cận nghèo*.

17. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1981), *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Nguyễn Thị Kim Vân (2013), *Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

19. Viện Dân tộc học (2015), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, bản tái bản lần 1 có bổ sung, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.